

Hồ Bạch Thảo

## Những sử liệu liên quan đến việc đặt tên nước Việt Nam

Tuy vào năm Sùng Hưng Đại Bảo thứ 6 [1054] vua Lý Thái Tông đặt tên nước ta là Đại-Việt, nhưng quốc hiệu này chỉ được dùng trong nội bộ; bấy giờ Trung-Quốc vẫn gọi nước ta là Giao-Chỉ. Thời vua Lý Anh Tông Chính Long Bảo Ứng năm thứ 2 [1164], nhà Tống đổi Giao-Chỉ thành An-Nam quốc. Kể từ đó cho đến cuối thời Hậu Lê, tên nước An-Nam được dùng trong việc bang giao với Trung-Quốc; Riêng trong nước, muốn chứng tỏ sự độc lập, vẫn dùng quốc hiệu là Đại-Việt (Ngoại trừ nhà Hồ đặt quốc hiệu là Đại-Ngu). Điều này giải thích tại sao hai nhà viết sử dưới đời nhà Trần, Sử-thần Lê Văn Hưu đặt tên cho bộ sử là *Đại-Việt sử ký*; trong khi Lê Trắc, sống lưu vong tại Trung-Quốc, phải đặt tên cho bộ sử là *An-Nam chí lược*.

Trong văn thư giao dịch với nước ta dưới thời Tây Sơn, nhà Thanh vẫn dùng quốc hiệu An-Nam. Sau khi thống nhất đất nước, Gia Long gửi biểu văn sang nhà Thanh xin đặt lại tên nước là Nam-Việt. Việc làm này khiến vua Gia Khánh cực lực phản đối, vì sợ Gia Long dùng tên nước cũ thời Triệu Đà để đòi lại đất của Nam-Việt gồm cả hai tỉnh Quảng-Đông, Quảng-Tây. Gia Khánh lại còn lo Gia Long thừa thắng xông lên, dùng võ lực để dành lại đất, nên ra lệnh báo động đề phòng tại hai tỉnh này. Dưới đây là chỉ dụ của vua Gia Khánh ra lệnh cho Tổng-đốc Lưỡng-Quảng Tôn Ngọc Đình phải đối phó với tình hình, cùng bác bỏ điều xin của Gia Long:

*Ngày 20 tháng 12 năm Gia Khánh thứ 7 [13/1/1803]*

Dụ các Quân Cơ Đại Thần: Hôm qua Tôn Ngọc Đình tấu dâng biểu văn thỉnh phong của Nguyễn Phúc Ánh [Gia Long], Trẫm đã duyệt đọc kỹ, việc xin phong tên nước hai chữ "Nam-Việt" không thể chấp nhận được. Địa danh "Nam-Việt" bao hàm rất lớn, khảo sử xưa hai tỉnh Quảng-Đông, Quảng-Tây đều nằm ở trong đó. Nguyễn Phúc Ánh là tiểu Di nơi biên giới, tuy hiện nay có được toàn đất An-Nam, bắt quá lãnh thổ bằng đất Giao-Chỉ xưa là cùng, làm sao lại được xưng là Nam-Việt. Biết đâu đây không phải là ý muốn khoe khoang tự thị của ngoại Di, xin thay đổi quốc hiệu, để thử bụng [Thiên triều] trước, đương nhiên đáng bác đi. Đã ra lệnh cho Quân Cơ Đại-thần soạn thay một tờ hịch dụ, cùng mang nguyên biểu giao cho Tôn Ngọc Đình trả lại; để xem sau khi nhận được chúng sẽ bẩm báo phúc đáp ra sao, rồi đợi chiếu chỉ mà liệu biện. Ngoài ra Nguyễn Phúc Ánh cầu phong quốc hiệu Nam-Việt, rõ ràng tự thị võ công muốn đòi xin thêm đất. Sợ bọn chúng âm mưu bất trắc, nên lệnh truyền các quan địa phương tại hai tỉnh Quảng-Đông, Quảng-Tây lưu tâm phòng bị vùng biển cùng biên giới, quan ải; không được trễ nải lơ là. Nay truyền dụ các nơi để hay biết. <sup>[1]</sup>

Nội dung chỉ dụ nêu trên cho thấy triều đình nhà Thanh xử sự theo lối trịch thượng, vua Gia Khánh không trực tiếp gửi chỉ dụ cho vua Gia Long, chỉ giao cho viên Tổng-đốc Lưỡng-Quảng trả lời mà thôi. Gia Long cũng không vừa, coi như văn thư nhận được chỉ là ý kiến riêng của Tôn Ngọc Đình, không xứng đáng là một quốc thư, nên lại một lần nữa yêu cầu thẳng vua Gia Khánh cho đặt tên nước là Nam-Việt.

*Ngày 6 tháng 4 năm Gia Khánh thứ tám [26/5/1803]*

Dụ các Quân Cơ Đại-thần: Tôn Ngọc Đình dâng tấu triệp xin chiếu chỉ để tuân hành về việc tờ bẩm phúc đáp của Nguyễn Phúc Ánh. Trẫm đã đọc kỹ, Nguyễn Phúc Ánh cho rằng lời dụ lần trước là ý kiến riêng của Tôn Ngọc Đình, biểu văn của y chưa tấu lên trên để được nghe quyết định [của Hoàng-đế], nên lần này vẫn thỉnh phong quốc hiệu Nam-Việt và khẩn xin tấu thay. Trẫm duyệt biểu văn, lời và ý rất mềm dẻo, hết sức cung thuận. Xưng rằng nước y trước kia có đất Việt-Thường, nay lấy thêm đất An-Nam [của Tây Sơn]; không dám quên gốc đã giữ đời nối đời, bèn dùng tên cũ Nam-Việt, đây là tình thực. Tôn Ngọc Đình hãy truyền hịch cho viên Quốc-trưởng rằng:

"Lần trước đến xin thỉnh phong quốc hiệu, danh nghĩa chưa hợp, nên không dám mạo muội tấu dâng đủ. Nay nhận được biểu phúc đáp, tường thuật đầu đuôi việc dựng nước, xin được phong tên mới, đã thể theo thực tình tâu lên đại Hoàng-đế. Nay nhận được chỉ dụ rằng:

“Viên Quốc-trưởng có lòng thành, lần trước cung kính giao nạp sắc ấn trước đây ban cho [An-Nam] bị Nguyễn Quang Toàn bỏ lại, cùng trói giải bọn giặc cướp ngoài biển; lại cung kính thỉnh mệnh, nên được soi xét kỹ tấm lòng thành. Việc cầu phong và dâng biểu cống; đặc dụ chấp thuận. Đến việc xin đặt tên nước là Nam-Việt, thì nước này trước đây có đất cũ Việt-Thường, sau lại được toàn lãnh thổ An-Nam; vậy Thiên-triều phong quốc hiệu cho dùng hai chữ “Việt-Nam”; lấy chữ “Việt” để đăng trước tượng trưng cương vực thời xưa; dùng chữ “Nam” để đăng sau, biểu tượng đất mới được phong; lại còn có nghĩa là phía nam của Bách-Việt; không lẫn lộn với tên nước cũ “Nam-Việt”. Một khi tên nước đã chính, nghĩa của chữ cũng tốt lành; vĩnh viễn thừa hưởng ân trạch của Thiên triều. Hiện đã ra lệnh cho Bồi-thần đến kinh khuyết thỉnh phong, sắc ấn ban sẽ lấy hai chữ đó làm tên. Nước người được ban tên đẹp, xếp vào nước ngoại phiên thần phục, càng đầy đủ sự vinh hiển.”

Tôn Ngọc Đình tiếp nhận chiếu chỉ này, một mặt truyền hịch dụ Nguyễn Phúc Ánh, một mặt sai Ủy-viên ban tống Sứ-thần nước này đến kinh đô dâng biểu tiến cống. Lưu ý tiết trời nắng nóng, nên cho đi từ từ để tỏ lòng thể uất. Vào khoảng cuối tháng 7 đến kinh đô, lúc này Trầm tránh nóng tại sơn trang, gặp dịp Cáp Tát Khắc vào triều cận, lệnh cùng dự yến luôn một thể. Vẫn để viên Sứ-thần khởi trình từ Quảng-Tây, nhật kỳ nhớ báo trước khi đi. Đem dụ này truyền để hay biết.”<sup>[2]</sup>

Văn bản nêu trên đề cập lời đối đáp khéo léo giữa hai lãnh tụ Việt, Trung. Gia Long tránh né bàn về tên nước thời nhà Triệu, giải thích một cách hợp lý rằng Nam-Việt là tên ghép đất cũ Việt-Thường của cha ông [địa danh xưa thuộc miền nam Việt-Nam từ Thanh-Hóa trở vào] và An-Nam của nhà Tây Sơn. Gia Khánh cũng không vừa, chấp nhận lời giải thích đó, nhưng ghép hai địa danh Việt-Thường và An-Nam theo một cách khác, thành hai chữ Việt và Nam. Kể từ đó ta có tên nước là Việt-Nam.

Theo sử Việt, Thượng-thư Lê Quang Định cầm đầu sứ bộ dâng biểu cầu phong. Ngoài nhiệm vụ này, sứ bộ đã cố gắng bắt liên lạc với người Việt lưu vong tại Trung-Quốc để tìm hậu thuẫn. Lúc bấy giờ, có một di thần nhà Lê tên là Lê Quýnh rất nổi tiếng tại Trung-Quốc, vì khảng khái không chịu theo lệnh vua Càn long cạo đầu gióc tóc theo phong tục Mãn Thanh. Lê Quýnh bị giam hơn mười năm tại nhà tù Bắc-Sở, Bắc-Kinh; đến đời Gia Khánh thì được tha, nhưng bị quản chế tại một trại lính trong thành. Có lẽ tiếng tăm Lê Quýnh được nhóm phản Thanh phục Minh truyền sang Nông-Nại [Đồng-Nai], nên vua Gia Long biết tiếng Lê Quýnh<sup>[3]</sup>. Con Lê Quýnh là Lê Doãn Trác xin gia nhập vào phái đoàn để được sang Trung-Quốc tìm cha, được chấp thuận cho làm Hành-nhân.

Chắc Sứ-bộ Lê Quang Định đã bố trí gặp Lê Quýnh tại Trác-Châu để bàn bạc, trước khi vào cung đình triều yết. Nhưng chẳng may việc Lê Quýnh đến Trác-Châu bị tiết lộ; căn cứ vào chỉ dụ của vua Gia Khánh đề cập sau đây, vụ án liên lụy đến một số người:

*Ngày 30 tháng 7 năm Gia Khánh thứ tám [15/9/1803]*

Dụ Nội Các: Bọn Miên Chí tâu “Người An-Nam tên Lê Quýnh ngấm đến Trác-Châu tìm gặp con y, nay xin giao cho phủ Thuận-Thiên chiếu theo lệ xét xử.”

Lê Quýnh là viên quan của phiên bang nơi biên giới, phạm tội nên bị giam. Vào năm Gia Khánh thứ 5 [1800] được Trầm đặc cách phóng thích, mệnh an sấp tại ngoài doanh hỏa khí, cấp lương tiền như lính Bát Kỳ; vẫn giao cho quan phụ trách trông coi, không được tự ý đi ra ngoài. Nay Lê Quýnh cùng Lý Bình Đạo nói dối xin đi thăm mộ Lê Duy Kỳ [vua Lê Chiêu Thống], được doanh này cho hai người lính hộ tống. Đi đến khoảng phụ cận cầu Lư-Cầu, Lê Quýnh thừa lúc sơ hở bỏ đi, quân hộ tống chỉ đưa được Lý Bình Đạo trở về, riêng Lê Quýnh thì đi thẳng đến Trác-Châu. Qua viên Tri-châu này thăm vấn, y khai rằng “Nhân nghe tin trong số Cống-sứ Việt-Nam có con y là Lê Doãn Trác giữ chức Hành-nhân, trên đường đến kinh đô; nên y đi thăm hỏi sự tình.” Bọn Lê Quýnh trú tại xưởng Lam-Điện, làm sao biết được Lê Doãn Trác theo phái đoàn Cống-sứ Việt-Nam đến kinh đô? Huống Sứ-thần nước này đến Trác-Châu vào ngày 25, Lê Quýnh đến ngay vào ngày hôm sau, cơ sao được tin nhanh như vậy? Và lại bọn Lê Quýnh muốn đi ra ngoài để thăm gặp, thì cứ bấm lên viên Đại-thần cai quản, để được tâu lên, đợi chiếu chỉ chấp thuận mới có thể đi được. Sao y chưa trình rõ ràng lại ngấm đi [đi chui], quả thực không tuân lệnh quản thúc. Ngoại trừ việc giáng chỉ đem các quan viên trong doanh phân biệt xét xử; nay truyền lệnh doanh phụ trách cùng phủ Thuận-Thiên giải giao bọn Lê Quýnh, Lý Bình Đạo hai người đến bộ Hình để thẩm vấn.”<sup>[4]</sup>

Lời đàn hạch nêu trên có vẻ nghiêm trọng, nhưng cuối cùng chỉ là “giơ cao đánh sể.” Những câu hỏi quan trọng như “Tại sao Lê Quýnh biết được con mình đến kinh đô? Tại sao biết Sứ-thần Việt-Nam đến vào ngày 25?” ắt phải liên quan đến sứ bộ Việt-Nam lúc bấy giờ, nhưng có lẽ vì lý do ngoại giao nên lời đi không nhắc đến. Sau khi thẩm vấn, Lê Quýnh được tha, cho quản chế tại xưởng Lam-Điện như cũ, riêng viên quan chuyên trách quản lý Lê Quýnh thì bị đày đi Ô-Lỗ-Mộc-Tê; nội dung được đề cập qua chỉ dụ dưới đây:

*Ngày 15 tháng 8 năm Gia Khánh thứ tám [30/9/1803]*

Lại dụ Nội Các: Bộ Hình đã đem viên Tham-lãnh Bảo Thiện đổi chất xác minh với Lê Quýnh rồi soạn tấu triệp trình lên như sau:

“Bọn người An-Nam Lê Quýnh cư trú tại xưởng Lam-Điện, do Tham-Lãnh Bảo Thiện chuyên trách quản lý. Nhân Lê Quýnh xin phép đi thăm Cống-sứ, Bảo Thiện không bấm lên quan Đại-thần cai quản, bèn tự chấp thuận cho đi, hành động thuộc loại chuyên quyền tự ý. Khi Lê Quýnh cung khai việc này, viên Đại-thần cai quản đích thân hỏi viên Tham-lãnh, y không thừa nhận; rồi Quan Cơ Đại-thần chuyển chiếu chỉ hỏi tường tận, sau ba bốn lần cung khai y vẫn không nói rõ sự thực. Đến khi giải giao Bảo Thiện đến bộ Hình đổi chất với Lê Quýnh, y không còn bao che được, rốt cuộc phải thừa nhận.”

Y thuộc loại giao hoạt, nếu chỉ giao về bộ nghị xử thì e quá nhẹ; nay truyền lệnh cách chức Bảo Thiện, phát vãng đến Ô-Lỗ-Mộc-Tê<sup>[5]</sup> hiệu lực, để chuộc tội. Còn bọn Lê Quýnh, Lý Bình Đạo đã được hỏi rõ và cũng không phải ngậm đi, mọi việc đều hợp lẽ; nay lại giao cho doanh Hỏa-Khí an sát tại xưởng Lam-Điện, hãy lưu tâm quản thúc, không được tự ý đi ra ngoài sinh chuyện. Điều cung khai rằng Lê Quýnh trên đường đi tình cờ gặp viên quan Mông-Cổ họ A, còn đơn vị hiệu cờ cùng tên thì không nhớ rõ; cũng không cần tra cứu thêm nữa.<sup>[6]</sup>

Chú thích:

<sup>[1]</sup>Hồ Bạch Thảo, bản dịch *Cao Tông Thực Lục* trang 250, phần chữ Nho trang 411.

<sup>[2]</sup>Bản dịch *Cao Tông Thực Lục*, trang 251, phần chữ Nho trang 413

<sup>[3]</sup>*La Sơn Yên Hồ Hoàng Xuân Hãn*, tập 2, trang 924; trích lại từ *Quốc Sử Di Biên* của Thám-hoa Phan Thúc Trực.

<sup>[4]</sup>Bản dịch *Cao Tông Thực Lục*, trang 253, phần chữ Nho trang 414.

<sup>[5]</sup>Ô-Lỗ-Mộc-Tê: Địa danh, thuộc tỉnh Tân-Cương.

<sup>[6]</sup>Bản dịch *Cao Tông Thực Lục*, trang 255, phần chữ Nho trang 416.